TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/**2019/DS-ST
Ngày: 12-7-2019.
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Bùi Văn Chiếu.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Võ Thành Trung – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST – DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 60/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở chính: đường Phạm Hồng T, Phường V, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A: Chị Phạm Thị H – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bến Tre (Văn bản ủy quyền số 2872/QĐ-NHKL ngày 08/8/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A). (chị H có mặt)

* *Bị đơn:* Chị Đỗ Thanh T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 08/01/2019 của Ngân hàng và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H là người đại diện của Ngân hàng trình bày:*

Chị Đỗ Thanh T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A(viết tắt TMCP A) – Phòng Giao dịch B theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A251337/HĐTD-CC ngày 30/6/2017, cụ thể:

+ Số tiền vay: 10.000.000 đồng.

+ Mục đích vay: Kinh doanh mua bán nhỏ.

+ Thời hạn vay: 180 ngày.

+ Hình thức thanh toán: Trả góp vốn gốc và lãi hàng ngày, kể từ ngày: 01/7/2017 đến ngày 01/01/2018, nên sẽ trả 59.700 đồng/ngày, ngày cuối trả 60.700 đồng là hoàn tất số nợ 10.000.000 đồng.

+ Lãi suất trong hạn: 1,245 %/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản cầm cố là xe YAMAHA - SIRIUS: 71C1-331.75, số khung: 322HY037206, số máy: E3X9E153754, do Đỗ Thanh T đứng tên.

Theo thỏa thuận hình thức thanh toán là trả hàng ngày từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/01/2018 là hoàn tất số nợ 10.000.000 đồng gồm cả vốn lẫn lãi. Nhưng trong quá trình thực hiện chị T chỉ thanh toán được đến ngày 30/9/2017 với số tiền là 5.940.514 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 5.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 368.384 đồng.

+ Phí bảo lãnh: 572.130 đồng.

Số nợ còn lại tính đến ngày trả nợ cuối cùng (ngày 01/01/2018) là 5.368.384 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 5.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 368.384 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Đỗ Thanh T phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ lại là 5.368.384 đồng đồng như nêu trên. Nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A251337/HĐTD-CC ngày 30/6/2017 để ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản cầm cố nhằm đảm bảo thanh toán nợ cho ngân hàng.

***** Tại phiên Tòa, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện so với ban đầu.

***** Đối với chị Đỗ Thanh T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng chị đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được lời khai của chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn chị Đỗ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng chị đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác định chị T không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi từ 6-7 tháng nay (bỏ đi từ khoảng tháng 01/2019), khi bỏ đi bà không có thông báo cho địa phương nên không biết chị T ở đâu. Mà theo địa chỉ của chị T được ghi trong giao dịch hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, trong đơn khởi kiện ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị T, nay chị T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị T là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Trong năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP A và chị Đỗ Thanh T có xác lập giao dịch vay tiền theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố với số tiền vay là 10.000.000 đồng cho đến nay còn nợ lại 5.368.384 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả số tiền 5.368.384 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

***[4]**. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị Đỗ Thanh T trả cho ngân hàng số tiền nợ còn lại 5.368.384 đồng.*

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng TMCP A với chị Đỗ Thanh T có xác lập giao dịch vay tiền, cụ thể là theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A251337/HĐTD-CC ngày 30/6/2017 thì vào năm 2017 bà T có vay của ngân hàng 10.000.000 đồng, vay theo hình thức trả góp vốn gốc và lãi hàng ngày, kể từ ngày:

01/01/2017 đến ngày 01/01/2018, Lãi suất trong hạn: 1,245%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150%/tháng, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, nên sẽ trả 59.700 đồng/ngày, ngày cuối trả 60.700 đồng là hoàn tất số nợ 10.000.000 đồng, chị Trúc đã ký tên xác nhận nợ và đồng ý với các điều khoản trong hợp đồng, chị đã nhận đầy đủ số tiền vốn vay 10.000.000 đồng.

Nhưng trong quá trình thực hiện chị T chỉ trả được cho Ngân hàng đến ngày 30/9/2017 với số tiền 5.940.514 đồng và còn nợ lại 5.368.384 đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được hai bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, chị T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng không thanh toán đầy đủ tiền nợ vốn và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết là vi phạm theo quy định tại Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T trả 5.368.384 đồng; trong đó vốn gốc: 5.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 368.384 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án:* Tại phiên Tòa, Ngân hàng yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật chứ không theo thỏa thuận của hai bên, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. *Xét yêu cầu xử lý tài sản cầm cố:*

Tài sản cầm cố là xe YAMAHA - SIRIUS: 71C1-331.75, số khung: 322HY037206, số máy: E3X9E153754, do Đỗ Thanh Trúc đứng tên.

Qua xem xét, thì hợp đồng cầm cố tài sản số A251337/HĐTD-CC ngày 30/6/2017 được thực hiện đúng quy định. Do vậy, khi chị Đỗ Thanh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà 02 bên đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP A (Phòng giao dịch B) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố để bảo đảm thu hồi nợ cho ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 30/6/2017, thì tài sản cầm cố đã được bàn giao lại cho chị Đỗ Thanh T. Vì vậy, trong trường hợp chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng, cần buộc chị T giao lại tài sản cầm cố cho Ngân hàng để thực hiện việc xử lý tài sản cầm cố theo quy định.

[7]. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, nên chị T phải chịu án phí của số tiền 5.368.384 đồng là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với chị Đỗ Thanh T về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

2. Buộc chị Đỗ Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (do Phòng Giao dịch B đại diện nhận) số tiền nợ vay là 5.368.384 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), trong đó:

+ Vốn gốc: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Tiền lãi: 368.384 đồng (ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Đỗ Thanh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, thì buộc chị Đỗ Thanh T có nghĩa vụ giao tài sản cầm cố là chiếc xe YAMAHA - SIRIUS: 71C1-331.75, số khung: 322HY037206, số máy: E3X9E153754, do Đỗ Thanh T đứng tên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A251337/HĐTD-CC ngày 30/6/2017 để đảm bảo thu hồi nợ.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Đỗ Thanh T phải chịu là 300.000đ đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (do Phòng Giao dịch B đại diện nhận) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001396 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Đỗ Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu